TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/DS-ST
Ngày: 09/8/2022
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Thành và bà Nguyễn Thị Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Luật – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn H** – sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 1, Ấp 1, xã Đ1, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Đình T** – sinh năm 1984 và chị **Lê Thị H** – sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 2, Ấp 5, xã Đ1, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị **Nguyễn Thị Ngọc Y** – sinh năm 1998

Địa chỉ: Tổ 1, Ấp 1, xã Đ1, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 5 năm 2022 và lời khai trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc Y là vợ chồng và kinh doanh vật liệu xây dựng tại ấp 1, xã Đ1, huyện T1, tỉnh Đồng Nai từ năm 2016 đến nay. Vợ chồng anh với anh Nguyễn Đình T – sinh năm 1980 và chị Lê Thị H – sinh năm 1982;

địa chỉ: Tổ 2, Ấp 5, xã Đ1, huyện T1, tỉnh Đồng Nai chỉ là hàng xóm chứ không có quan hệ thân thích gì. Vì có nhu cầu xây dựng nhà ở nên vợ chồng anh T, chị H có liên hệ với vợ chồng anh để mua vật liệu xây dựng từ ngày 15/6/2021 đến ngày 31/12/2021 hai bên chốt số nợ với số tiền mà vợ chồng anh T, chị H 24.500.000đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) có sự xác nhận chữ ký của vợ chồng anh T, chị H theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 31/12/2021. Đến thời điểm hiện nay thì bên anh T và chị H không chưa trả cho vợ chồng anh số tiền nợ gốc nào.

Nay anh khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Đình T và chị Lê Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho anh và chị Y số tiền mua vật liệu xây dựng còn thiếu là 24.500.000đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi tính từ ngày 15/6/2021 đến 15/6/2022, với lãi suất 1,66%/01 tháng thành tiền 4.473.000đ (Bốn triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng); tổng cộng gốc và lãi là 28.973.000đ (Hai mươi tám triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Ngoài ra, anh H không có yêu cầu nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Đình T và chị Lê Thị H trình bày:

Vợ chồng anh T và chị H và vợ chồng anh H là hàng xóm chứ không có quan hệ thân thích gì. Vợ chồng anh thừa nhận có mua vật liệu xây dựng của anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Ngọc Y. Vợ chồng anh mua vật liệu xây dựng từ ngày 15/6/2021 đến ngày 31/12/2021 hai bên chốt số nợ tiền mua vật liệu xây dựng còn thiếu của anh H và chị Y là 24.500.000đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Vợ chồng anh thừa nhận chữ ký và chữ viết tại phần bên B theo như Biên bản xác nhận công nợ ngày 31/12/2021 do nguyên đơn cung cấp là chữ ký và chữ viết của vợ chồng anh chị.

Nay anh Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh có nghĩa vụ liên đới trả cho anh H và chị Nguyễn Thị Ngọc Y số tiền 24.500.000đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi tính từ ngày 15/6/2021 đến 15/6/2022, với lãi suất 1,66%/01 tháng thành tiền 4.473.000đ (Bốn triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng); tổng cộng gốc và lãi là 28.973.000đ (Hai mươi tám triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn đồng) thì vợ chồng anh đồng ý. Ngoài ra, anh T và chị H không có yêu cầu nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc Y trình bày: Chị đồng ý với nội dung trình bày của anh Nguyễn Văn H và không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình, bị đơn không có yêu cầu phản tố và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H về việc yêu cầu anh T và chị H có nghĩa vụ liên đới trả cho anh H và chị Y số tiền là 28.973.000 đồng (Hai mươi tám triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn đồng), trong đó bao gồm 24.500.000đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền mua bán vật liệu xây dựng và tiền lãi tính từ ngày 15/6/2021 đến 15/6/2022, với lãi suất 1,66%/01 tháng thành tiền 4.473.000đ (Bốn triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Đình T và chị Lê Thị H có nơi cư trú tại xã Đ1, huyện T1, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng: Anh Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Đình T và chị Lê Thị H có nghĩa vụ liên đới trả nợ là tiền mua bán thức ăn gia súc và tiền vay. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh H là người khởi kiện anh T và chị H nên xác định tư cách đương sự anh H là nguyên đơn, anh T và chị H là bị đơn. Chị Y là người được anh H xác định là tiền của anh H và chị Y, nên xác định tư cách đương sự chị Y là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tư cách đương sự được quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện: Văn bản đề ngày 31/12/2021 theo anh H trình bày được viết năm 2021 (giao dịch từ ngày 15/6/2021 đến ngày 31/12/2021 chốt nợ). Đến ngày 18/5/2022, anh H khởi kiện thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự và Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án thụ lý vụ án để giải quyết là đúng quy định pháp luật.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Các đương sự có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Anh Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu Nguyễn Đình T và chị Lê Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho anh và chị Y số tiền mua vật liệu xây dựng còn thiếu là 24.500.000đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi tính từ ngày 15/6/2021 đến 15/6/2022, với lãi suất 1,66%/01 tháng thành tiền 4.473.000đ (Bốn triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng); tổng cộng gốc và lãi là 28.973.000đ (Hai mươi tám triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn đồng) theo văn bản "Biên bản xác nhận công nợ" ngày 31/12/2021.

[2.1] Xét thấy, biên bản xác nhận công nợ đề ngày 31/12/2021 là giao dịch dân sự do anh H và anh T, chị H tự nguyện ký kết, có năng lực hành vi dân sự, mục đích và hình thức giao dịch phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đình T và chị Lê Thị H thừa nhận vợ chồng anh, chị có mua vật liệu xây dựng của vợ chồng anh H và chị Y từ ngày 15/6/2021 đến ngày 31/12/2021 với số tiền chưa thanh toán là 24.500.000đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Bị đơn cũng thừa nhận chữ ký, chữ viết của người xác nhận nợ trong "Biên bản xác nhận công nợ" đề ngày 31/12/2021 là chữ viết và chữ ký của mình và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 28.973.000đ (Hai mươi tám triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn đồng); trong đó tiền gốc 24.500.000đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi tính từ ngày 15/6/2021 đến 15/6/2022, với lãi suất 1,66%/01 tháng thành tiền 4.473.000đ (Bốn triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

[2.3] Như vậy, "Biên bản xác nhận công nợ" đề ngày 31/12/2021 giữa anh H và anh T, chị H là có thật về mặt nội dung, có giá trị pháp lý đối với các bên.

[3] Đối với nghĩa vụ thực hiện theo "Biên bản xác nhận công nợ" đề ngày 31/12/2021, bị đơn anh T và chị H đã vi phạm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự nên nguyên đơn anh H khởi kiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Bị đơn không có yêu cầu phản tố và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

[5] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận, buộc Nguyễn Đình T và chị Lê Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho anh H, chị Y số tiền mua vật liệu xây dựng còn thiếu là 24.500.000đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi tính từ ngày 15/6/2021 đến 15/6/2022, với lãi suất 1,66%/01 tháng thành tiền 4.473.000đ (Bốn triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng); tổng cộng gốc và lãi là 28.973.000đ (Hai mươi tám triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

[6] Về án phí: Anh T và chị H phải chịu (28.973.000đ x 5%) = 1.448.600đ (Một triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho anh H số tiền 724.000đ (Báy trăm hai mươi bốn nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí.

[7] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 117, Điều 207, Điều 208, Điều 210, Điều 213, Điều 221, Điều 223, Điều 357, Điều 385, Điều 401, Điều 429, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" đối với bị đơn anh Nguyễn Đình T và chị Lê Thị H.

Buộc anh Nguyễn Đình T và chị Lê Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Ngọc Y số tiền nợ gốc là: 24.500.000đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền mua bán tài sản và tiền lãi là 4.473.000đ (Bốn triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng); tổng cộng gốc và tiền lãi là 28.973.000đ (Hai mươi tám triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Đình T và chị Lê Thị H phải chịu 1.448.600đ (Một triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho anh Nguyễn Văn H số tiền 724.000đ (Bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002583 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

Nguyễn Bá Đại